

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm
2. Ông Trương Văn Te

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Sơn C, sinh năm 1996

Hộ khẩu thường trú: ấp N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Đường A, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 12/12/2022.

2. Bị đơn: Anh Trần Bá V, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Huỳnh Sơn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị trình bày:

Chị và anh Trần Bá V kết hôn vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2019, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa

án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Trần Bá V đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời anh đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sơn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Sơn C yêu cầu được ly hôn với anh Trần Bá V, cư trú tại số nhà xxx, khu phố M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Trần Bá V đã được Tòa án triệu tập họp hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Anh V vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sơn C và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do chị Sơn C cung cấp cũng như các chứng cứ Tòa án đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Sơn C trình bày thì chị và anh V kết hôn vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/01/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Sơn C và anh V đoàn tụ nhưng anh V không đến và chị Sơn C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt đã chứng tỏ anh chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Hơn nữa, chị Sơn C và anh V đã sống ly thân trong một thời gian dài, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Sơn C và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn C đối với anh V là phù hợp.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Sơn C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Sơn C phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huỳnh Sơn C đối với anh Trần Bá V.

Chị Lê Huỳnh Sơn C được ly hôn với anh Trần Bá V.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Huỳnh Sơn C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Huỳnh Sơn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011066 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND thị trấn G, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang

